TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG PHÚ
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 73/2021/DS - ST
Ngày: 30/9/2021
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

`

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Triều Vũ Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thúy Kiều.

2. Ông Lương Hồng Đức.

Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Hữu Toại – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Bích – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại Hội trường xét xử – Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tiến hành mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 253/2020/TLST – DS ngày 10 tháng 12 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2021/QĐXXST - DS ngày 21 tháng 6 năm 2021; giữa các đương sự:

Nguyên đơn**:** Ngân hàng N; Địa chỉ: Số L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền*:* Bà Trần Thị Thúy H – Phó Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh huyện L; địa chỉ: Ấp 3, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (văn bản ủy quyền số 186/GUQ- NHNo.LP ngày 31/5/2021). (Có mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Trường G, sinh năm 1987; Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 29/6/2020, cũng như tại phiên Tòa đại diện ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng N (gọi tắt là Ngân hàng) trình bày:

Ngày 07/4/2015 ông Nguyễn Trường G và Ngân hàng N - Chi nhánh huyện L đi đến thống nhất ký hợp đồng tín dụng số 7603 LAV 201500954, số tiền cho vay: 70.000.000 đồng (bảy chục triệu đồng); hạn trả ngày 07/4/2020; lãi suất cho vay 10%; lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Mục đích vay vốn: Tiêu dùng đời sống. Cho vay tín chấp, nguồn trả nợ từ tiền lương lãnh hàng tháng.

Tính đến ngày 15/6/2020, ông G còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 67.658.306 đồng (Sáu mươi bảy triệu, sáu trăm năm mươi tám ngàn, ba trăm lẻ sáu đồng); trong đó nợ gốc 44.800.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu, tám trăm ngàn đồng); nợ lãi vay tạm tính đến ngày 15/6/2020 là 22.858.306 đồng (Hai mươi hai triệu, tám trăm năm mươi tám ngàn, ba trăm lẻ sáu đồng).

Nay Ngân hàng N yêu cầu ông Nguyễn Trường G hoàn trả cho Ngân hàng tổng số tiền vốn và lãi tạm tính đến ngày 30/9/2021 với số tiền là 75.307.139 đồng (bảy mươi lăm triệu, ba trăm lẻ bảy ngàn, một trăm ba mươi chín đồng); trong đó nợ gốc 43.900.000 đồng (bốn mươi ba triệu, chín trăm ngàn đồng); nợ lãi vay là 31.407.139 đồng (ba mươi mốt triệu, bốn trăm lẻ bảy ngàn, một trăm ba mươi chín đồng) và lãi phát sinh khi trả xong nợ gốc cho Ngân hàng.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Trường G: Kể từ khi thụ lý đến nay Tòa án đã thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng, nhưng ông G không có ý kiến phản hồi đối với việc khởi kiện của Ngân hàng. Do đó Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Nguyễn Trường G có nghĩa vụ hoàn trả tổng số tiền vốn và lãi tính đến ngày xét xử là 75.307.139 đồng (bảy mươi lăm triệu, ba trăm lẻ bảy ngàn, một trăm ba mươi chín đồng); trong đó nợ gốc 43.900.000 đồng (bốn mươi ba triệu, chín trăm ngàn đồng); nợ lãi vay là 31.407.139 đồng (ba mươi mốt triệu, bốn trăm lẻ bảy ngàn, một trăm ba mươi chín đồng) và tiếp tục tính lãi theo hợp đồng đến khi trả xong nợ gốc cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Trường G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông G.

[2] Về nội dung vụ án: Ngân hàng yêu cầu ông G có nghĩa vụ thanh toán số tiền vốn và lãi 75.307.139 đồng (bảy mươi lăm triệu, ba trăm lẻ bảy ngàn, một trăm ba mươi chín đồng); trong đó nợ gốc 43.900.000 đồng (bốn mươi ba triệu, chín trăm ngàn đồng); nợ lãi vay tạm tính đến ngày 30/9/2021 là 31.407.139 đồng (ba mươi mốt triệu, bốn trăm lẻ bảy ngàn, một trăm ba mươi chín đồng) và lãi phát sinh khi trả xong nợ gốc cho Ngân hàng.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, Ngân hàng có cung cấp hợp đồng tín dụng số 7603-LAV-201500954/HĐTD ngày 07/4/2015, và Giấy đề nghị kiêm phương án vay vốn phục vụ nhu cầu đời sống (Bút lục 02, 03, 04) thể hiện chữ ký của ông G ở bên vay. Quá trình thụ lý Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho ông G biết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng ông G không có ý kiến phản hồi. Căn cứ vào Điều 92 đây là tình tiết không phải chứng minh. nên Hội đồng xét xử khẳng định ông G đã vay và nhận đủ của Ngân hàng số tiền gốc là 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng). Sau khi được Ngân hàng giải ngân theo hợp đồng thì ông G không thanh toán đúng hạn tiền lãi và tiền gốc cho Ngân hàng theo hợp đồng đã ký kết. Do vậy, việc ông G không thực hiện nghĩa vụ trả dư nợ gốc và lãi theo giao kết trong hợp đồng là đã vi phạm thỏa thuận mà các bên đã ký kết, ông G là người có lỗi, là người vi phạm hợp đồng nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết. Vì vậy, việc nguyên đơn Ngân hàng yêu cầu bị đơn ông G hoàn trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc còn lại là 43.900.000 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi ba triệu, chín trăm ngàn đồng) là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 280, Điều 463, khoản 1 và khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận

Đối với yêu cầu tính lãi của Ngân hàng được Hội đồng xem xét như sau:

Tại Điều 8 của hợp đồng tín dụng thì người vay có nghĩa vụ "*trả nợ gốc và lãi tiền vay theo thỏa thuận trong hợp đồng*". Xét thấy mức lãi suất 10%/năm các bên thỏa thuận trong trong Hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập phù hợp với quy định của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng, số tiền lãi trên Ngân hàng đã tính đúng theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận nên yêu cầu của Ngân hàng buộc ông G trả số tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử là 31.407.139 đồng (ba mươi mốt triệu, bốn trăm lẻ bảy ngàn, một trăm ba mươi chín đồng) và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo hợp đồng đến khi trả xong nợ gốc cho Ngân hàng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy bị đơn ông Nguyễn Trường G có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng N tiền vốn và lãi tính đến ngày xét xử là 75.307.139 đồng (bảy mươi lăm triệu, ba trăm lẻ bảy ngàn, một trăm ba mươi chín đồng); trong đó nợ gốc 43.900.000 đồng (bốn mươi ba triệu, chín trăm ngàn đồng); nợ lãi vay là 31.407.139 đồng (ba mươi mốt triệu, bốn trăm lẻ bảy ngàn, một trăm ba mươi chín đồng) và tiếp tục tính lãi theo hợp đồng đến khi trả xong nợ gốc cho Ngân hàng.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bị đơn ông Nguyễn Trường G phải chịu 3.765.000 đồng (Ba triệu, bảy trăm sáu mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280; Điều 463; Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự**.**

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N; Buộc bị đơn ông Nguyễn Trường G có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền vốn và lãi vay tính đến ngày xét xử là 75.307.139 đồng (bảy mươi lăm triệu, ba trăm lẻ bảy ngàn, một trăm ba mươi chín đồng); trong đó nợ gốc 43.900.000 đồng (bốn mươi ba triệu, chín trăm ngàn đồng); nợ lãi vay là 31.407.139 đồng (ba mươi mốt triệu, bốn trăm lẻ bảy ngàn, một trăm ba mươi chín đồng) và ông G còn phải trả cho Ngân hàng tiền lãi phát sinh tính trên số nợ gốc theo hợp đồng kể từ ngày 01/10/2021 cho đến khi trả xong số nợ gốc.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Trường G phải chịu 3.765.000 đồng (ba triệu, bảy trăm sáu mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.691.000 đồng (Một triệu, sáu trăm chín mươi mốt ngàn đồng) theo biên lai thu số 0008057 ngày 23/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

4/ Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Tăng Triều Vũ Hà